TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HS-ST
Ngày: 27 - 4 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Hữu Nhường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Hương

Bà Trần Thị Vân

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thoan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Tuyết Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại hội T2Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 26/2023/TLST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Dương Hữu H**. Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 05/10/1995 tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm P, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Thợ Mộc; Con ông: Dương Hữu Q, sinh năm 1967, con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1968; Vợ: Phan Thị T1 và có 02 con; gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam kể từ ngày 13/11/2022 đến nay, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ - bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Anh Trần Văn H2, sinh năm 1975/ có mặt.
   Trú tại: Xóm T, xã H1, huyện Đ - Thái Nguyên.
2. Anh Hầu Văn T2, sinh năm 1994/ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
   Trú tại: Xóm S, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Trịnh Thị H3, sinh năm 1989/ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
   Trú tại: Xóm An Bình, xã Minh Lập, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
2. Chị Phan Thị T3, sinh năm 1999/ vắng mặt.
   Trú tại: Xóm P, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Người làm chứng:

1. Chị Trương Thị C, sinh năm 1989/ vắng mặt.

Trú tại: Xóm N 2, xã U, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

2. Anh Diệp Hải N, sinh năm 2003/ vắng mặt.
   Trú tại: Xóm T, xã H1, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
3. Chị Đặng Thị X, sinh năm 1984/ vắng mặt.
   Trú tại: Xóm H, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
4. Anh Mai Duy H4, sinh năm 1988/ vắng mặt.
   Trú tại: Xóm C 1, thị trấn H huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 9/2022, Dương Hữu H có mượn của anh Trần Văn H2 (sinh năm 1975, HKTT: Xóm Hưng Thái, xã H1, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, màu sơn Xanh Trắng, BKS: 20B1-714.30 để làm phương tiện đi lại. Anh H2 lấy xe mô tô cho H mượn nhưng giữ lại đăng ký xe, H hẹn anh H2 10 ngày sau sẽ trả xe nhưng do không thấy anh H2 đòi nên H không mang xe trả lại. Khoảng 08 giờ ngày 10/11/2022, do cần tiền để sử dụng cá nhân H điều khiển chiếc xe mô tô BKS: 20B1-714.30 đến cửa hàng sửa xe máy của chị Trịnh Thị H3 (sinh năm 1989, trú tại: Xóm A, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) để thế chấp lấy số tiền 3.000.000đ. Sau đó, H lên mạng xã hội Facebook thấy có bài viết do anh Hầu Văn T2, (sinh năm 1994, trú: Xóm S, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng) đăng tìm mua xe mô tô, H sử dụng tài khoản Facebook có tên "Đinh Tốp Cổ" nhắn tin với anh T2 để trao đổi việc mua bán xe, H nói xe mất giấy tờ và T2 đồng ý mua với giá 5.000.000đ. Sau đó, H hẹn T2xuống khu vực đường cổng làng V, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Khi gặp T2, H nói hiện tại xe đang để tại nhà chị Trịnh Thị H3 và bảo T2đi cùng lên xem xe. Khi đến nơi, H gặp chị H3 và nói: "cho em chuộc xe để em bán", chị H3 hỏi "em bán xe à", H nói: "vâng". Sau đó H gọi T2vào xem xe, chị H3 có đưa chìa khoá xe mô tô cho H, rồi H đưa lại cho T2. Sau khi T2xem xong, hai bên thống nhất giá là: 4.800.000đ. T2yêu cầu H viết giấy tờ mua bán xe, nhưng do tại cửa hàng chị H3 không có giấy nên H có nói là khi về đến nhà H sẽ viết giấy bán xe nên T2yêu cầu H đưa căn cước công dân để chụp lại, thì Huy đồng ý. Sau đó, T2đã lấy số tiền: 4.800.000đ ở trong ví thanh toán cho H, H nhận tiền đủ và lấy 3.100.000đ thanh toán tiền cắm xe cho chị H3, còn lại H cất vào trong ví. T2cầm chìa khoá và điều khiển xe chở H đi về nhà để viết giấy mua bán. Khi đi đến khu vực cây xăng G, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, T2đã rẽ vào đổ xăng. Lúc này, H nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe và không muốn trả lại số tiền 4.800.000đ. H nói với T2"để anh đèo cho" rồi H lên điều khiển xe, T2ngồi phía sau đi về khu vực cổng chào khu dân cư H, thuộc xóm T, xã H, huyện Đ. Khi đi đến cửa quán bia Q, H đỗ xe, vặn chìa khoá để khoá cổ xe và nói với T2đây là nhà của H và bảo T2đứng đợi, H đi ra cổng chào khu dân cư nghe điện thoại, do chờ lâu T2đi ra chỗ H và nói "cho em xin chìa khoá để em về", H nói: "mày đã đưa đủ tiền cho tao đâu mà đòi lấy xe về", T2nói: "nếu anh không muốn bán xe nữa thì cho em xin lại tiền", H nói: "mày đã đưa tiền cho tao đâu mà mày đòi", sau đó, H đi lên xe taxi ở đường

để rời đi, H có gọi điện thoại cho chị Đặng Thị X (sinh năm 1984, trú tại: Xóm H, xã K, huyện Đ - chủ quán bia Q) để nhờ trông hộ xe thì chị X đồng ý. Khi H rời đi, T2đã đi vào quán bia kể lại sự việc cho mọi người biết. Lúc này chị X có gọi điện thoại cho H nói "chị không trông xe được cho mày đâu, quay lại mà lấy xe". Sau đó, H quay lại thấy T2ngồi cạnh chiếc xe, H đi vào vị trí để xe cắm chìa khoá xe và lùi xe ra đường đầu xe hướng ra đường nổ máy rời đi thì T2đi lên ôm đầu xe mô tô, dùng tay trái bóp côn xe mô tô không cho H đi. T2và H cãi nhau thì T2nói với H "nếu anh không bán xe thì cho em xin lại tiền em về", H nói "tiền gì", "tao không có tiền", T2nói "anh trả lại tiền cho em", Huy có đưa tiền cho T2hai lần, lần đầu H đưa số tiền 500.000đ, lần hai là: 100.000đ. T2nói với H sẽ báo Công an nên H đã dùng tay phải đấm 01 cái vào má trái của T2rồi dùng tay phải đẩy T2ra khỏi xe khiến T2ngã khụy xuống. T2vẫn tiếp tục ôm đầu xe nên H dùng tay đấm vào mặt T2khiến T2bị choáng bỏ tay ra khỏi đầu xe mô tô rồi H rồ ga điều khiển xe rời đi.

Sau khi sự việc xảy ra, anh T2, anh H2 đã làm đơn trình báo đến cơ quan Công an đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/11/2022, Dương Hữu H tự nguyện giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe: EXCITER 135, biển kiểm soát: 20B1 - 71430, màu: Xanh trắng, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động Masstel, đã qua sử dụng; 01 quần dài bằng vải màu tím than, đã qua sử dụng; 01 áo khoác màu đen, trên áo có in chữ VERSAEG, đã qua sử dụng; 01 đôi giầy màu đen, đã qua sử dụng.

Quá trình điều tra anh T2giao nộp số tiền 600.000đ; chị H3 giao nộp số tiền 3.100.000đ cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ để giải quyết theo quy định.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 65/KL-HĐĐGTS ngày 02/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe: EXCITER 135, biển kiểm soát: 20B1 - 71430, màu: Xanh trắng, đã qua sử dụng (đăng ký lần đầu năm 2015) thời điểm ngày 10/11/2022 là 7.800.000đ.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích đối với Hầu Văn T2số 902/TgT ngày 24/11/2022 của của Trung tâm pháp y Tỉnh Thái Nguyên kết luận: " 1. Dấu hiệu chính qua giám định: Hiện tại có 01 sẹo phần mềm KT nhỏ. 2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 1%. Cơ chế hình thành vết thương: Do tác động của vật tày".

Vật chứng vụ án:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe: EXCITER 135, biển kiểm soát: 20B1 - 71430, màu: Xanh trắng, đã qua sử dụng;
- 01 điện thoại di động Masstel, đã qua sử dụng, niêm phong trong phong bì ký hiệu G4;
- 01 quần dài bằng vải màu tím than, đã qua sử dụng;
- 01 áo khoác màu đen, trên áo có in chữ VERSAEG, đã qua sử dụng;
- 01 đôi giầy màu đen, đã qua sử dụng;
- số tiền 3.700.000đ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Về phần dân sự: Anh Trần Văn H2 đề nghị xin lại xe mô tô và không yêu cầu bị cáo bồi thường khoản tiền gì; anh Hầu Văn T2đã được gia đình bị cáo bồi

thường 15.000.000đ và có yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 4.800.000 đồng; chị Trịnh Thị H3 đề nghị được trả lại số tiền 3.100.000đ đã giao nộp.

Tại bản cáo trạng số 30/CT-VKSĐH, ngày 29/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Dương Hữu Huy về tội "Cướp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Dương Hữu H phạm tội "Cướp tài sản" và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 168 BLHS, điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Điều 38 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo Dương Hữu H từ 42 đến 48 tháng tù.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175 BLHS, điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Điều 38 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo Dương Hữu H từ 9 tháng đến 12 tháng tù.

Áp dụng Điều 55 BLHS, tổng hợp hình phạt của cả 02 tội theo quy định của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo trả lại số tiền 4.800.000 đồng cho bị hại Hầu Văn T2mà anh T2đã đưa cho bị cáo để mua xe mô tô, bị cáo đã trả lại cho anh T2**600.000 đồng**, bị cáo Dương Hữu H còn phải trả lại số tiền **4.200.000 đồng** cho bị hại Hầu Văn T2; bị hại Trần Văn H2 không yêu cầu bị cáo bồi thường khoản tiền gì nên không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47, 48 BLHS; Điều 106 BLTTHS.

- Trả lại cho anh Trần Văn H2 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe: EXCITER 135, biển kiểm soát: 20B1 - 71430, màu: Xanh trắng, đã qua sử dụng.

- Trả lại cho anh Hầu Văn T2số tiền **600.000 đồng** tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Trả lại cho chị Trịnh Thị H3 số tiền **3.100.000 đồng** tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Tiếp tục tạm giữ 01 điện thoại di động Masstel đã qua sử dụng của bị cáo để đảm bảo thi hành án; Tịch thu tiêu hủy 01 quần dài bằng vải màu tím than, đã qua sử dụng; 01 áo khoác màu đen, trên áo có in chữ VERSAEG, đã qua sử dụng; 01 đôi giầy màu đen, đã qua sử dụng.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo H khai nhận hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã truy tố. Trong phần tranh luận bị cáo không tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tội danh:* Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với lời khai của những người bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của những người làm chứng; phù hợp với biên bản nhận dạng, biên bản khám nghiệm hiện T2, bản kết luận định giá, kết luận giám định pháp y về thương tích và một số chứng cứ, tài liệu khác của vụ án được thu thập trong quá trình điều tra.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng tháng 9/2022, anh Trần Văn H2 cho bị cáo Dương Hữu H mượn chiếc xe mô tô BKS 20B1-714.30 làm phương tiện đi lại. Quá trình sử dụng xe H nảy sinh ý định chiếm đoạt xe lấy tiền sử dụng cá nhân. Khoảng 08 giờ ngày 10/11/2022, H cầm cố chiếc xe mô tô trên cho chị Trịnh Thị H3 lấy 3.000.000đ và tiêu xài cá nhân hết, đến khoảng 20 giờ cùng ngày H chuộc lại chiếc xe trên và bán cho anh Hầu Văn T2với giá 4.800.000đ. Sau khi bán xong, H lại nảy sinh ý định chiếm đoạt lại xe nên khoảng 21 giờ cùng ngày, tại trước cửa quán bia Q thuộc xóm T, xã H1, huyện Đ, giữa H và T2xảy ra cãi nhau và H dùng tay phải đấm 01 cái vào má trái của anh T2gây thương tích cho anh T2 01% rồi lấy xe mô tô BKS 20B1-714.30 có trị giá 7.800.000đ cùng số tiền 4.200.000đ của anh T2(do anh T2trước đó đã đưa cho Huy 4.800.000đ, Huy đã trả lại 600.000đ) bỏ chạy.

Hành vi nêu trên của bị cáo Dương Hữu H đã phạm vào tội "Cướp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự. Hành vi mượn xe mô tô của anh H2 rồi mang bán cho người khác của bị cáo Dương Hữu H đã phạm vào tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Nội dung các điều luật như sau:

Điều 168. Tội cướp tài sản:

"1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc ... làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm".

Điều 175. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản:

1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) ...

b) ... mượn ... tài sản của người khác ... và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản".

[2]. Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xác định: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng

xấu đến trật tự an toàn xã hội và lòng tin giữa con người với con người, gây hoang mang, bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân. Hội đồng xét xử thấy việc truy tố để xét xử đối với bị cáo Dương Hữu H, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo Dương Hữu H đã có gia đình nhưng bị cáo không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân trở thành công dân tốt để chăm lo gia đình mà coi thường pháp luật, muốn có tiền tiêu sài nhưng không muốn lao động chân chính và đã phạm tội rất nghiêm trọng. Do đó buộc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, đồng thời khi lượng hình cần có một mức án nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người lương thiện và để răn đe, phòng ngừa chung.

Quá trình điều tra, xét xử bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho anh T215.000.000 đồng, bị hại Hầu Văn T2, và Trần Văn H2 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo quy định tại điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Vì vậy trong lượng hình, Hội đồng xét xử cũng đã xem xét giảm một phần hình phạt đối với bị cáo, thể hiện sự khoan khồng của pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng và hình phạt đối với bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, tương xứng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có thể bị phạt bổ sung là phạt tiền, nhưng xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Theo bị hại Hầu Văn T2gia đình bị cáo đã bồi thường cho anh T215.000.000 đồng tiền thương tích 1% và tổn thất tinh thần, chi phí đi lại, ngày công không lao động được do hành vi cướp tài sản của bị cáo. Nay anh T2yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 4.800.000 đồng mà anh T2đã đưa cho bị cáo để mua xe mô tô. Do vậy cần buộc bị cáo phải trả lại số tiền 4.800.000 đồng cho anh T2, tại phiên tòa bị cáo cũng đồng ý trả lại anh T2số tiền này. Bị cáo đã trả lại cho anh T2 **600.000 đồng**, bị cáo còn phải trả lại số tiền **4.200.000 đồng** cho anh T2; bị hại Trần Văn H2 không yêu cầu bị cáo bồi thường khoản tiền gì nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về vật chứng vụ án:

- Trả lại cho anh Trần Văn H2 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe: EXCITER 135, biển kiểm soát: 20B1 - 71430, màu: Xanh trắng, đã qua sử dụng.

- Trả lại cho anh Hầu Văn T2 số tiền **600.000 đồng** tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Trả lại cho chị Trịnh Thị H3 số tiền **3.100.000 đồng** tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Tiếp tục tạm giữ 01 điện thoại di động Masstel đã qua sử dụng của bị cáo để đảm bảo thi hành án; Tịch thu tiêu hủy 01 quần dài bằng vải màu tím than, đã qua sử dụng; 01 áo khoác màu đen, trên áo có in chữ VERSAEG, đã qua sử dụng; 01 đôi giầy màu đen, đã qua sử dụng.

[5]. Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, theo quy định của pháp luật.

[6]. Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Trong vụ án này, khi mua chiếc xe mô tô Hầu Văn T2 không biết nguồn gốc chiếc xe do phạm tội mà có nên không xem xét xử lý.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]**.** *Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo Dương Hữu H phạm tội "Cướp tài sản" và tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

[2]**.** *Về hình phạt:*

- Áp dụng khoản 1 Điều 168 BLHS, điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Dương Hữu H 42** tháng tù về tội "Cướp tài sản".

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175 BLHS, điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Dương Hữu H 06** tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng Điều 55 BLHS, tổng hợp hình phạt của cả 02 tội, buộc bị cáo Dương Hữu H phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 tội là **48 tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày **13/11/2022.**

Áp dụng Điều 329 BLTTHS ra quyết định tạm giam bị cáo Dương Hữu H 45 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3]. *Về trách nhiệm dân sự:* Căn cứ Điều 48-BLHS; Điều 584, 587, 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Dương Hữu H phải trả lại số tiền **4.800.000 đồng** cho bị hại Hầu Văn T2. Bị cáo đã trả lại cho anh T2**600.000 đồng**, bị cáo Dương Hữu H còn phải trả lại số tiền **4.200.000 đồng** cho bị hại Hầu Văn T2.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh T2 có đơn yêu cầu thi hành, nếu bị cáo không thi hành được khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi được xác định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[4]. *Về vật chứng vụ án:* Căn cứ Điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho anh Trần Văn H2 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe: Exciter 135, biển kiểm soát: 20B1 – 714.30, màu xanh, đã qua sử dụng.

- Trả lại cho anh Hầu Văn T2 số tiền **600.000 đồng** tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Trả lại cho chị Trịnh Thị H3 số tiền **3.100.000 đồng** tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Tiếp tục tạm giữ 01 điện thoại di động Masstel đã qua sử dụng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu G4 của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy 01 quần dài bằng vải màu tím than, đã qua sử dụng; 01 áo khoác màu đen, trên áo có in chữ VERSAEG, đã qua sử dụng; 01 đôi giầy màu đen, đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/4/2023 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra của Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ).

[5]**.** *Án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Dương Hữu Huy phải nộp **200.000 đồng** án phí hình sự sơ thẩm và **300.000 đồng** án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

[6]**.** *Về quyền kháng cáo:* Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đối với trường hợp có mặt và kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai đối với trường hợp vắng mặt tại phiên tòa. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với trường hợp có mặt và kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai đối với trường hợp vắng mặt tại phiên tòa./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đ;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên
- UBND xã H;
- Bị cáo, bị hại, người có QL& NVLQ;
-Trại giam;
- Lưu: Hồ sơ, bộ phận Hình sự .

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đỗ Hữu Nhường